

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 16-3-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Anh Đào

Ông Võ Văn Đầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 08/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 26/02/2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2021/QĐXXST-DS ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Trụ sở: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số 210 đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Trà Vinh (theo Quyết định số 337/2020/QĐ-HĐQT ngày 23/4/2020 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP B). Địa chỉ: Số 272A, đường N, khóm 6, phường 7, TP. T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Thanh P ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hoàng T, chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh T. Địa chỉ: Số 272A, đường N, khóm 6, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

- Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ hiện nay: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và tại phiên tòa đại diện cho Ngân hàng, ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Ngày 28/4/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã ký hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV với bà Trần Thị Tuyết H, số tiền vay 150.000.000 đồng, mục đích cho vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, tương ứng với 48 kỳ, số tiền trả từ kỳ thứ nhất đến kỳ thứ 47 là 3.125.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, số tiền kỳ cuối 3.125.000 đồng được trả vào ngày đáo hạn, nợ lãi được trả hàng tháng theo kỳ trả nợ gốc, dư nợ hiện tại 43.749.868 đồng, ngày chuyển nợ quá hạn 25/3/2019, số tiền quá hạn: Nợ gốc quá hạn tính đến ngày 16/3/2021 là 43.749.884 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.317.193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2021 là 13.542.814 đồng, tổng cộng là 60.609.875 đồng. Ngân hàng có gọi điện thoại và trực tiếp đến nhà bà H làm việc nhiều lần, cũng như làm việc với người thân của bà H nhưng đến nay bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong suốt thời gian từ ngày 25/3/2019 đến nay Ngân hàng đã nhiều lần đề nghị bằng văn bản yêu cầu bên vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tuy nhiên, đến nay bên vay vốn không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vay cho ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị Tuyết H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LVB.TV ký ngày 28/4/2016 và kế ước nhận nợ số 0385-16/KU-LVB.TV ký ngày 28/4/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 16/3/2021 là 60.609.875 đồng (trong đó: vốn gốc là 43.749.868 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.317.193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2021 là 13.542.814 đồng). Kể từ ngày 17/3/2021 bà Trần Thị Tuyết H phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LVB.TV ký ngày 28/4/2016 và kế ước nhận nợ số 0385-16/KU-LVB.TV ký ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết H đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 10/12/2020; ngày 08/02/2021; tham gia phiên tòa vào các ngày 26/02/2021 và ngày 16/3/2021 nhưng bị đơn bà H vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; đối với bị đơn thì chưa thực hiện

đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Giữa Ngân hàng B và bà Trần Thị Tuyết H có ký hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 giải ngân cho bà H số tiền 150.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bà H có trả nợ gốc được 106.250.116 đồng và nợ lãi 33.344.983 đồng, phần nợ gốc và nợ lãi còn lại thì bà H không tiếp tục thực hiện là vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng B yêu cầu bà Trần Thị Tuyết H phải thanh toán số tiền tính đến ngày tổng số tiền tính đến ngày 16/3/2021 là 60.609.875 đồng (trong đó: vốn gốc là 43.749.868 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.317.193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2021 là 13.542.814 đồng). Đồng thời, Ngân hàng B yêu cầu bà H phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở. Đối với trách nhiệm bồi thường, Công ty Cổ phần bảo hiểm AAA cho rằng trong thời hạn bảo hiểm ngày 28/4/2016 đến 28/4/2020 không phát sinh sự kiện bảo hiểm, không nhận được thông báo yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với hồ sơ Trần Thị Tuyết H nên không có khoản chi trả bảo hiểm nào đối với trường hợp này, do đó không xem xét, giải quyết trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm AAA, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 58, 97 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B, buộc bị đơn bà H phải trả cho Ngân hàng B số tiền 60.609.875 đồng, Đồng thời, bà H phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ; về án phí đề nghị buộc bà H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Ngân hàng B yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Tuyết H trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 nên đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà H là người có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng nhưng quá trình thực hiện nghĩa vụ đã thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho phía Ngân hàng biết, quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt bằng cả phương thức tổng đạt thông qua người thân và phương thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng và triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ

nhiều lần nhưng bà H đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Tuyết H.

[2] Về nội dung vụ án: Theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 và khế ước nhận nợ số 0385-16/KU-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh có cho bà H vay số tiền gốc 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay trong hạn là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nợ gốc được trả định kỳ hàng tháng trong 48 tháng, tương ứng với 48 kỳ, số tiền trả từ kỳ thứ nhất đến kỳ thứ 47 là 3.125.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, số tiền kỳ cuối 3.125.000 đồng được trả vào ngày đáo hạn, nợ lãi được trả hàng tháng theo kỳ trả nợ gốc, kể từ ngày vay (28/4/2016) đến ngày 15/02/2019 thì bà H có trả được số tiền gốc là 106.250.116 đồng và nợ lãi 33.344.983 đồng, dư nợ gốc đến ngày 16/02/2019 là 43.749.868 đồng. Nhận thấy, việc vay nợ của các bên có lập thành văn bản rõ ràng, quá trình thực hiện hợp đồng bà H có thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký và kể từ ngày 16/02/2019 thì bà H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

Trong quá trình vay, bà H có mua bao hiểm của Công ty cổ phần bảo hiểm AAA để bảo hiểm cho số tiền vay 150.000.000 đồng, người thụ hưởng là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Lienvietpostbank. Tuy nhiên, tại Công văn 0132/2021/CV-TA ngày 11/3/2021 của Công ty cổ phần bảo hiểm AAA trả lời cho Tòa án có nội dung: Trong khoảng thời hạn bảo hiểm từ 08 giờ 48 phút ngày 28/4/2016 đến 08 giờ 48 phút ngày 28/4/2020, không phát sinh sự kiện bảo hiểm đối với bà H, vì vậy không phát sinh trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm AAA, cho đến nay Công ty không nhận được thông báo yêu cầu trả tiền bảo hiểm đối với hồ sơ của bà H nên không có khoản chi trả bảo hiểm nào trong trường hợp này.

Ngày 09/11/2020, Ngân hàng B mới làm đơn khởi kiện bà H, thời điểm này không nằm trong khoảng thời hạn bảo hiểm của Công ty cổ phần bảo hiểm AAA. Do đó, việc Ngân hàng B yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 16/3/2021 là 60.609.875 đồng (trong đó: vốn gốc là 43.749.868 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.317.193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2021 là 13.542.814 đồng). Đồng thời, yêu cầu bà Trần Thị Tuyết H phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[4] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bà Trần Thị Tuyết H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tính đến ngày 16/3/2021 là 60.609.875 đồng (trong đó: vốn gốc là 43.749.868 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.317.193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/3/2021 là 13.542.814 đồng).

Kể từ ngày 17/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0385-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Tuyết H phải chịu 3.030.493 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 1.436.000 đồng theo biên lai thu số 0003444 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc